

Chương 3: TỔ CHỨC SỬ DỤNG CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

1. TỔ CHỨC SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI TRONG KINH DOANH NN

1.1. Vai trò và đặc điểm

1.2. Nội dung cơ bản của tổ chức sử dụng đất đai

2. TỔ CHỨC SỬ DỤNG NGUỒN LAO ĐỘNG TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

2.1. Vai trò và đặc điểm của lao động trong KD nông nghiệp

2.2. Nội dung tổ chức sử dụng nguồn lao động trong kinh doanh nông nghiệp

3. TỔ CHỨC SỬ DỤNG TLSX TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

3.1. Khái niệm, phân loại và đặc điểm của TLSX nông nghiệp

3.2. Tổ chức sử dụng tài sản trong kinh doanh nông nghiệp

1. TỔ CHỨC SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI TRONG KINH DOANH NN

1.1. Vai trò và đặc điểm

1.1.1 Vai trò của đất đai trong các cơ sở KDNN

- Với vai trò là tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt, đất đai tham gia vào quá trình tạo ra nông sản, tổ chức sử dụng đất đai hợp lý góp phần tạo ra nông sản với năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội.

Tổ chức sử dụng hợp lý góp phần tạo ra nông sản có giá thành hợp lý, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Với tư cách là chỗ dựa địa điểm, tổ chức sử dụng đất đai hợp lý đảm bảo yêu cầu xây dựng các công trình, tiết kiệm đất đai cho trực tiếp KDNN, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, hiệu quả chung của DNNN.

1.1.2. Đặc điểm của đất đai trong các cơ sở KDNN

- Đất đai là sản phẩm của tự nhiên, đồng thời là sản phẩm của xã hội, vì vậy đất đai trong các cơ sở KDNN có thể có nhiều nguồn gốc khác nhau và được pháp luật bảo vệ.
- Số lượng đất có hạn trong từng cơ sở KDNN, nhưng khả năng tái tạo của đất đai không giới hạn. Khả năng tái tạo vô hạn thể hiện ở sự biến đổi độ phì của đất, từ độ phì nhiêu tự nhiên, nhân tạo sang độ phì kinh tế. Đòi hỏi hiểu biết và khai thác, bổ sung thông qua bón phân và các biện pháp canh tác tổng hợp.
- Chất lượng đất đai không đồng nhất, phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên của từng vùng.

Yêu cầu sử dụng đầy đủ, tiết kiệm, có hiệu quả, phải gắn quá trình tổ chức sử dụng đất đai trong cơ sở KDNN với quá trình tổ chức sử dụng đất đai trong cả vùng, chú ý đến toàn bộ HĐKD của DN

1.2. Nội dung cơ bản của tổ chức sử dụng đất trong...

1.2.1. Phân loại đất đai

- Phân loại là sắp xếp đất đai theo các tiêu chí khác nhau, theo nguyên tắc, đất có chung tiêu chí nằm trong 1 loại.
- Tùy theo tiêu chí khác nhau có cách phân loại khác nhau: Mục đích sử dụng, chất lượng đất đai, nguồn gốc đất đai...
- Mục đích phân loại nhằm bố trí sử dụng hợp lý, quản lý đầy đủ và có hiệu quả đất đai của các cơ sở KDNN.
- Để phân loại đất đai cần điều tra đánh giá đất đai về trạng thái tự nhiên, về địa hình, thực trạng sử dụng, về chất lượng đất đai thông qua các chỉ tiêu về nông hóa thổ nhưỡng...
- Việc phân loại đất đai cần được rà soát, điều chỉnh sau 1 số năm, thường là 3 năm, tùy theo cách thức phân loại.

1.2.2. Xác định quy mô đất đai của các cơ sở kinh doanh nông nghiệp

- Quy mô đất đai là tổng thể đất đai của các cơ sở KDNN, thường đo bằng diện tích ha, m²...Tuy nhiên, cần xác định quy đất đai trong mối quan hệ với các yếu tố vốn, LĐ, TT...
- Mục đích xác định quy mô đất đai là tạo quỹ đất đai hợp lý để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm
- Nội dung xác định quy mô đất đai: xác định quy mô tối ưu và ngưỡng làm giàu về ruộng đất:

+ Quy mô tối ưu: $K = G/RĐ \times G/LĐ \times G/CP \times L/CP$ (lớn nhất)

Trong đó: K chỉ số hợp lý của quy mô, G là GTSL, RĐ là diện tích tối ưu của đơn vị, LĐ là số LĐ bình quân/năm..

+ Ngưỡng làm giàu:

$$GLG = \frac{TCT}{TN} > 1.$$

(tổng chi tiêu)
(Tổng thu nhập)⁵

1.2.3. Bố trí sử dụng đất đai trong cơ sở KDNN

- Khái niệm: là hệ thống các biện pháp kinh tế, tổ chức và kỹ thuật để sắp xếp sử dụng đất trong cơ sở KDNN nhằm khai thác đầy đủ, hợp lý, hiệu quả đất đai, đáp ứng nhu cầu xã hội và các quy luật sinh học của SXNN. Thực chất là bố trí sử dụng bề mặt không gian, xác định chức năng đất đai trong các cơ sở KDNN.
- Các nguyên tắc: (1) Đảm bảo thực hiện sự phân công xã hội về sản xuất nông sản, chủ yếu là sự phân vùng quy hoạch của huyện, tỉnh. (2) Phải chú ý đến xu hướng phát triển lâu dài của đơn vị. (3) Phải căn cứ vào các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội gắn với đơn vị để bố trí sử dụng đất. (4) Phải chú ý đến toàn bộ quá trình sản xuất, cũng như từng ngành sản xuất của đơn vị sản xuất kinh doanh nông nghiệp. (5) Phải kết hợp chặt chẽ giữa lợi ích của đơn vị sản xuất kinh doanh nông nghiệp với lợi ích của Nhà nước, tỉnh, huyện, đặc biệt của các trang trại và hộ gia đình xung quanh.

1.2.3. Bố trí sử dụng đất đai trong cơ sở KDNN

- Nội dung bố trí sử dụng đất đai gồm:

- + Xác định ranh giới
- + Bố trí ruộng đất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản của đơn vị sản xuất kinh doanh nông nghiệp.
- + Bố trí đất xây dựng các công trình nhà ở, các công trình phục vụ sản xuất: chuồng trại chăn nuôi, xưởng chế biến, hệ thống giao thông, thủy lợi...

- Các bước tiến hành bố trí sử dụng đất đai:

- + Chuẩn bị: Chuẩn bị các điều kiện vật chất, các nhà chuyên môn, các chuyên gia có kinh nghiệm (nếu thấy cần thiết).
- + Điều tra nghiên cứu các điều kiện sản xuất của cơ sở
- + Xây dựng các phương án bố trí sử dụng đất đai của đơn vị sản xuất kinh doanh nông nghiệp.
- + 11/2020 Phân tích và lựa chọn phương án bố trí sử dụng đất.

1.2.4. Thực hiện các vấn đề về quản lý đất đai

- Mục đích: Quản lý đất đai để khai thác, sử dụng, bảo vệ và bồi dưỡng đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai; tuân thủ pháp luật về khai thác sử dụng đất đai.
- Nội dung: Quản lý đất đai về kinh tế, kỹ thuật và pháp chế.
- + Quản lý đất đai về kinh tế là quản lý việc bố trí đất đai, thực hiện các giải pháp kỹ thuật và giải quyết các vấn đề pháp chế (chuyển đổi, chuyển nhượng...) có hiệu quả kinh tế.
- + Quản lý về kỹ thuật là quản lý việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật làm đất, bố trí cây trồng không ảnh hưởng đến chất lượng đất đai, nâng cao hiệu quả kinh tế của các vấn đề kỹ thuật đó.
- + Quản lý về mặt pháp chế là thực hiện việc đăng ký đất đai, việc chuyển nhượng, thừa kế đúng luật...

1.2.5. Vấn đề cải tạo, bảo vệ, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đất đai

- Vì sao phải cải tạo, bảo vệ, bồi dưỡng: Từ vai trò, đặc điểm của đất đai...
- Các biện pháp thực hiện:
 - + Thực hiện chế độ canh tác hợp lý trên các loại đất với các điều kiện cụ thể như: canh tác trên đất dốc, chua phèn, bạc màu, cát trắng ven biển...
 - + Thực hiện nông lâm kết hợp, nhất là trên các vùng trung du miền núi, đất ven biển...
 - + Áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ của cuộc cách mạng sinh học vào sản xuất nông nghiệp, trong đó có việc cải tạo, bảo vệ và nâng cao chất lượng đất đai
 - + + Thực hiện các biện pháp thâm canh hợp lý, chú trọng các chế độ làm đất không phá kết cấu đất, chế độ bón phân hợp lý....

2. TỔ CHỨC SỬ DỤNG NGUỒN LAO ĐỘNG TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

2.1. Vai trò và đặc điểm của nguồn lao động

2.1.1 Vai trò của nguồn lao động trong các cơ sở KDNN

- Khái niệm nguồn lao động: Tổng thể sức lao động trong các cơ sở kinh doanh NN, biểu hiện ở số lượng và chất lượng của nguồn lao động: Số lượng: Toàn bộ người lao động trong và ngoài độ tuổi; chất lượng: Trình độ văn hóa, chuyên môn kỹ thuật, quản lý, sức khỏe, ý thức pháp luật, tổ chức cuộc sống.
- Vai trò: Cùng với đất đai tạo các sản phẩm nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, cung cấp sức lao động cho các ngành khác của nền kinh tế quốc dân

2.1.2. Đặc điểm của nguồn lao động của các cơ sở KDNN

- Nguồn lao động của cơ sở KDNN có sự dồi dào về số lượng, nhưng chất lượng nguồn lao động thấp.
- Trong các cơ sở KDNN, nhất là hộ và trang trại có kết cấu nguồn phức tạp: Có LĐ trong độ tuổi và ngoài độ tuổi LĐ, có lao động thường xuyên, thời vụ, trong cơ sở (hộ, trang trại), lao động thuê ngoài, trình độ chuyên môn khác nhau...
- Nguồn lao động của các cơ sở KDNN được sử dụng chủ yếu vào hoạt động nông nghiệp với các đặc điểm về hoạt động: Có tính thời vụ cao, phụ thuộc rất lớn vào điều kiện tự nhiên, tiếp xúc với cơ thể sống....

2.2. Nội dung tổ chức sử dụng nguồn lao động trong kinh doanh nông nghiệp

2.2.1. Xây dựng KH nguồn lao động

- Xác định nhu cầu về lao động
- + Xác định nhu cầu về số lượng:
 - * Căn cứ: Phương hướng, quy mô SXKD, quan hệ cung cầu lao động trên thị trường...
 - * Nội dung: Xác định riêng cho từng ngành, từng sản phẩm, từng công việc... Tổng hợp chung thành nhu cầu của cả cơ sở KDNN.
 - * Công thức tính: $N_A = K_A \times M_A$ trong đó N_A nhu cầu lao động cho công việc A, K_A là khối lượng công việc A và M_A là mức lao động của công việc A
- + Xác định nhu cầu về chất lượng: Xác định theo theo các tiêu chí của chất lượng. Chất lượng theo yêu cầu của công việc

2.2.1. Xây dựng KH nguồn lao động

- Xác định khả năng hiện có và cân đối lao động
- + Xác định khả năng hiện có về số lượng và chất lượng.
- + So sánh với nhu cầu để xác định mức độ thiếu, thừa.
- + Các giải pháp giải quyết cân đối lao động:
 - * *Trường hợp thiếu lao động*: Tuyển dụng lao động hoặc thuê mướn lao động.
 - * *Trường hợp thừa lao động*: (1) Mở rộng ngành nghề mới thu hút lao động dư... (2) Tăng cường đầu tư thâm canh để thu hút lao động và tăng năng suất cây trồng, vật nuôi... (3) Cho nghỉ việc đối với những lao động ngoài độ tuổi, sức khỏe yếu....

2.2.2. Tuyển dụng và thuê mướn lao động

- Căn cứ tuyển dụng và thuê mướn
 - + Nhu cầu tuyển dụng và thuê mướn.
 - + Pháp luật về sử dụng và thuê mướn lao động.
 - + Các tiêu chuẩn của người lao động với từng loại lao động.
 - + Khả năng về tài chính của cơ sở KDNN
- Nội dung của tuyển dụng và thuê mướn lao động
 - + Thông báo tuyển dụng và nhận đơn xin việc.
 - + Phỏng vấn và tuyển chọn.
 - + Ký kết hợp đồng lao động

2.2.3. Lựa chọn các hình thức tổ chức lao động

- Căn cứ lựa chọn

+ Phương hướng và quy mô của cơ sở SXKD

+ Trình độ, quy mô trang bị máy móc, thiết bị, công cụ LĐ...

+ Trình độ, năng lực tổ chức quản lý của đội ngũ cán bộ.

- Các hình thức tổ chức lao động

+ Đội sản xuất hay dịch vụ.

+ Trại chăn nuôi

+ Xưởng chế biến.

+ Tổ nhóm sản xuất hay dịch vụ...

+ Hộ gia đình nhận khoán hay nhận thầu

Mỗi hình thức tổ chức lao động phù hợp với ngành nghề và quy mô, trình độ tổ chức và quản lý nhất định.

2.2.4. Tổ chức hợp lý quá trình lao động

- K/N: Là tổng hợp các bước công việc mà một người hay nhóm người có quan hệ hữu cơ với nhau tiến hành khi LĐ
- Tổ chức hợp lý quá trình LĐ: Khai thác hợp lý tiềm năng của từng LĐ và cả nhóm LĐ, sử dụng tiết kiệm LĐ và nâng cao năng suất LĐ...
- Yêu cầu: (1) Đảm bảo chất lượng và hoàn thành đúng yêu cầu kỹ thuật... (2) Sử dụng công cụ cải tiến, máy móc có năng suất cao... để nâng cao NSLĐ... (3) Cải thiện điều kiện và an toàn lao động.
- Nguyên tắc: (1) Cân đối (2) Ăn khớp, nhịp nhàng (3) Liên tục...
- Nội dung tổ chức: (1) Tổ chức địa điểm (2) Phân bổ LĐ và hợp lý hóa các P.pháp LĐ (3) Kiểm tra và áp dụng các mức LĐ (4) Hợp lý các chế độ LĐ và nghỉ ngơi (5) Cải thiện điều kiện LĐ và về sinh an toàn LĐ

2.2.5. Áp dụng các hình thức trả công LĐ hợp lý

- Trả công LĐ là biện pháp quản trị nhằm xác định các hình thức, mức độ và thời điểm bù đắp hao phí LĐ cho người LĐ khi tham gia vào các hoạt động SXKD.
- Mức tiền công: Là số tiền được trả tính theo một đơn vị thời gian hay theo một hay một lượng sản phẩm, công việc hoàn thành...
- Căn cứ xác định mức tiền công: Thực trạng và triển vọng của cơ sở SXKD, NSLĐ, tính chất công việc, mức tiền công tối thiểu theo quy định, thâm niên người LĐ...
- Hình thức trả công
 - + Theo thời gian: dựa theo số lượng thời gian làm việc để trả công (giờ, ngày...) và mức tiền công theo thời gian
 - + Theo khoán: dựa vào số sản phẩm, công việc và đơn giá để tính trả công. Trả công theo khoán có thể theo lũy tiến và lúc thời vụ...

2.2.6. Đào tạo, đánh giá cán bộ và người lao động

- Đào tạo cán bộ và người LĐ: + Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng: Là yêu cầu của cán bộ và người LĐ được bổ sung các kiến thức và hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng lao động đáp ứng yêu cầu SXKD theo từng chức danh và vị trí được phân công.
 - + Các phương thức đào tạo: (1) Theo lớp học tập trung, dài hạn. (2) Theo các lớp tập trung ngắn hạn (3) Kèm cặp tại chỗ...
- Đối với hộ, trang trại còn có các hình thức sau: (1) Thảo luận nhóm. (2) Trình diễn theo mô hình (3) Tham quan học hỏi...
- Đánh giá cán bộ và người lao động:
 - + Mục đích: Cung cấp cho cán bộ và người LĐ những nhận định đánh giá về họ giúp họ thấy rõ ưu, nhược để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả làm việc...
 - + Các phương pháp: (1) PP cho điểm (2) PP bình chọn (3) PP qua ghi chép làm căn cứ đánh giá...

3. TỔ CHỨC SỬ DỤNG TƯ LIỆU SẢN XUẤT TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

3.1. Khái niệm, phân loại và đặc điểm của TLSX trong KDNN

3.1.1 Khái niệm, phân loại của TLSX trong các cơ sở KDNN

- Khái niệm TLSX: là điều kiện vật chất không thể thiếu để tổ chức SXKDNN, bao gồm đối tượng LĐ và TLLĐ
- TLSX được xem xét như là tài sản của cơ sở KDNN, phân thành tài sản cố định và tài sản lưu động, ngoài ra có thể phân thành tài sản sinh học và tài sản phi sinh học. Đặc biệt trong nông nghiệp, đất đai gọi là ruộng đất là TLSX đặc biệt.
- Vai trò: TLSX trong các cơ sở KDNN có vai trò quan trọng trực tiếp tham gia quá trình tạo ra sản phẩm và phục vụ quá trình tạo các sản phẩm NN

3.1.2. Đặc điểm của TLSX trong các cơ sở KDNN

- Đặc điểm về nguồn gốc: TLSX sinh học và phi sinh học.
TLSX sinh học có đặc điểm của sinh học trong quản lý sử dụng, trong hạch toán kinh doanh...
- Đặc điểm của đất đai với tư cách là tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt....
- Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh NN trong sử dụng các tư liệu sản xuất. Cụ thể:
 - + Đặc điểm của tính thời vụ trong sản xuất KDNN
 - + Đặc điểm về địa bàn hoạt động của TLSX trong KDNN
 - + Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp Việt Nam: Chuyển từ bao cấp sang thị trường, chất lượng lao động thấp///

3. TỔ CHỨC SỬ DỤNG TƯ LIỆU SẢN XUẤT TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

3.2. Tổ chức sử dụng TLSX trong KDNN

3.2.1 Nguyên tắc tổ chức sử dụng TLSX trong các cơ sở KDNN

- Xác định nhu cầu trang bị và mua sắm TLSX phải phù hợp với phương hướng và quy mô sản xuất kinh doanh
 - Trang bị TLSX phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế của cơ sở KDNN và của vùng.
 - Trang bị TLSX phải cân đối.
 - Trang bị TLSX cho cơ sở KDNN phải gắn với hệ thống cơ sở vật chất của ngành và của vùng.
 - TLSX trang bị phải được sử dụng đầy đủ và hiệu quả.
- Trong từng nguyên tắc cần hiểu rõ cơ sở, nội dung và vấn đề cần lưu ý khi quán triệt nguyên tắc.

3.2.2 Tổ chức sử dụng TLSX là tài sản cố định

a) Tổ chức sử dụng máy móc

- Sự cần thiết: + Vai trò vâng cao năng suất, giảm mức độ nặng nhọc của LĐ, khắc phục tính thời vụ
- + Đặc điểm của máy móc: Giá trị lớn, thời hạn sử dụng dài, trình độ chuyên môn cao, môi trường phân tán, dễ hư hỏng, tính thời vụ...
- Nội dung: + Xác định nhu cầu: Có vai trò quan trọng, căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành, đặc điểm công việc, thời hạn hoàn thành, khả năng tài chính, hạ tầng...
- + Lựa chọn máy móc: Dựa vào các căn cứ, tính toán đến tính kinh tế, sự phối hợp giữa máy động lực và máy công tác...
- + Tổ chức sử dụng máy: Tổ chức địa bàn, tổ chức ghép máy, công suất, tốc độ máy, bảo quản, chăm sóc, sửa chữa...

3.2.2 Tổ chức sử dụng TLSX là tài sản cố định

b) Tổ chức sử dụng TSCĐ là sinh vật

- Sự cần thiết: Đặc điểm của TSCĐ là sinh vật trong hoạt động và duy trì...
- Nội dung:
 - + Xác định nhu cầu: Có vai trò quan trọng, căn cứ vào khối lượng công việc, nhu cầu sinh sản, thời hạn hoàn thành, khả năng tài chính, hạ tầng...
 - + Tổ chức phân loại đánh giá: Để khai thác, sử dụng và có KH chăm sóc...
 - + Tổ chức chăm sóc và khai thác sử dụng.
 - + Lựa chọn các hình thức tổ chức quản lý sử dụng: Phổ biến là giao khoán.
 - + Thực hiện khấu hao TSCĐ là sinh vật

3.2.2 Tổ chức sử dụng TLSX là tài sản cố định

c) Tổ chức sử dụng các công trình XD CB

- Sự cần thiết: Vai trò và đặc điểm của các công trình XD CB: đầu tư lớn, phạm vi tác dụng rộng, nhiều công trình dùng chung...
- Nội dung:
 - + Xác định nhu cầu: Có vai trò quan trọng, căn cứ vào khối lượng công việc, thời hạn hoàn thành, khả năng tài chính, hạ tầng...
 - + Xây dựng các dự án đầu tư...
 - + Tổ chức thi công xây dựng.
 - + Lựa chọn các hình thức tổ chức quản lý sử dụng: Phổ biến là giao khoán.
 - + Xây dựng chế độ vật chất...

3.2.3 Tổ chức sử dụng TLSX là tài sản lưu động

a) Tổ chức và quản lý vật tư kỹ thuật dự trữ

- Yêu cầu: Giải quyết 2 vấn đề: Số lượng dự trữ tối ưu và thời điểm, thời gian dự trữ.
- Nội dung:
 - + Xác định số lượng dự trữ tối ưu: Lượng dự trữ tối ưu là lượng vật tư kỹ thuật đáp ứng mọi nhu cầu SXNN, trong mọi tình huống với chi phí nhỏ nhất.
 - + Chi phí dự trữ = Chi phí mua vật tư + chi phí bảo quản.
 - + Công thức tính:

$$Q = \sqrt{2 DC / ip}$$

Tr.đó: Q là số lượng vật tư dự trữ tối ưu (theo vụ hay năm)
D nhu cầu vật tư theo vụ hoặc năm.

C chi phí 1 đơn vị dự trữ. I là chi phí bảo quản thể hiện %
giá mua. P là giá mua.

3.2.3 Tổ chức sử dụng TLSX là tài sản lưu động

b) Tổ chức sử dụng TSLĐ

- **Vai trò:** quan trọng
- **Nội dung:**
 - + Xác định nhu cầu và lựa chọn người cung cấp.
 - + Tổ chức dự trữ hợp lý.
 - + Tổ chức nhà kho và phương tiện bảo quản.
 - + Quy định và thực hiện chế độ, nội quy quản lý...
 - + Cung cấp các yếu tố là TSLĐ cho các hoạt động (cấp phát sử dụng....)
 - + Tổ chức kiểm tra, kiểm kê...
 - + Thực hiện hạch toán...